



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU  
BƯU ĐIỆN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013	14 - 34

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy Vật liệu Bưu điện theo Quyết định số 328/QĐ-BBCVT ngày 07 tháng 5 năm 2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300682645 ngày 04 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 05 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung, trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 05 tháng 07 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế:	<b>50.000.000.000 VND</b>	
<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Cổ đông là nhà nước - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	24.900.000.000	49,8
Cổ đông khác	25.100.000.000	50,2
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,0</b>

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội  
 Điện thoại : 04 3878 0451  
 Fax : 04 3878 0023  
 E-mail : tech-pmf@hn.vnn.vn  
 Mã số thuế : 0 1 0 0 6 8 2 6 4 5

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Hoạt động viễn thông có dây (Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động viễn thông không dây (Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất các loại cáp, dây thông tin và vật liệu chuyên ngành bưu chính viễn thông;
- Sản xuất các sản phẩm dân dụng;
- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính viễn thông./.

**Các đơn vị trực thuộc:**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Tiên Sơn	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đinh Minh Sơn	Chủ tịch	10 tháng 5 năm 2011
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	10 tháng 5 năm 2011
Ông Bùi Hồng Ánh	Ủy viên	27 tháng 11 năm 2004
Ông Nguyễn Đình Thảo	Ủy viên	10 tháng 5 năm 2011
Ông Trần Hậu Thành	Ủy viên	25 tháng 5 năm 2013

***Ban kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hữu Thành	Trưởng ban	10 tháng 5 năm 2010	
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên	10 tháng 5 năm 2010	25 tháng 5 năm 2013
Bà Đỗ Thị Lan Anh	Thành viên	10 tháng 5 năm 2010	
Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp	Thành viên	25 tháng 5 năm 2013	

***Ban Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Giám đốc	02 tháng 02 năm 2005
Ông Bùi Hồng Ánh	Phó Giám đốc	02 tháng 02 năm 2005

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Minh**

Ngày 25 tháng 03 năm 2014



Số: 175/2014/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu điện, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Giám đốc**



---

**Nguyễn Hoàng Đức**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0368-2013-008-1  
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014

**Kiểm toán viên**

A blue ink signature, likely of Trần Kim Anh, written in a cursive style.

---

**Trần Kim Anh**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1907-2013-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN**

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>51.421.681.798</b>	<b>63.091.901.667</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.864.464.790</b>	<b>9.409.348.557</b>
1. Tiền	111		5.864.464.790	9.409.348.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.626.262.997</b>	<b>27.233.660.771</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	21.779.271.645	28.937.211.658
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	6.000.000	63.435.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	65.941.462	147.825.983
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(2.224.950.110)	(1.914.811.870)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.352.526.446</b>	<b>26.202.570.692</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	26.667.343.158	27.660.550.207
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.314.816.712)	(1.457.979.515)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>578.427.565</b>	<b>246.321.647</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	88.370.022	33.745.504
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		209.190.352	10.031.600
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	2.926.335	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	277.940.856	202.544.543



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.520.207.734</b>	<b>50.324.457.102</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.012.095.259</b>	<b>49.999.702.535</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	38.990.616.024	43.810.571.912
<i>Nguyên giá</i>	222		134.416.722.121	134.494.284.691
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(95.426.106.097)	(90.683.712.779)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.021.479.235	6.189.130.623
<i>Nguyên giá</i>	228		6.876.452.379	6.876.452.379
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(854.973.144)	(687.321.756)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>508.112.475</b>	<b>324.754.567</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	508.112.475	324.754.567
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>96.941.889.532</b>	<b>113.416.358.769</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN**

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp(tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.684.722.177</b>	<b>20.262.935.058</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.684.722.177</b>	<b>20.262.935.058</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	400.000.000	7.149.994.878
2. Phải trả người bán	312	V.15	6.386.790.114	8.442.208.832
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	205.715.470	368.956.060
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	211.710.272	870.018.498
5. Phải trả người lao động	315		1.326.766.566	1.445.507.339
6. Chi phí phải trả	316	V.18	44.140.333	181.297.087
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	3.017.162.795	1.631.515.737
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	92.436.627	173.436.627
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>85.257.167.355</b>	<b>93.153.423.711</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>85.257.167.355</b>	<b>93.153.423.711</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.000.000.000	24.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.902.426.198	5.902.426.198
4. Cổ phiếu quỹ	414		(888.000.000)	(888.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		44.653.843.558	44.653.843.558
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.138.792.891	3.138.792.891
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(41.549.895.292)	(33.653.638.936)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>96.941.889.532</b>	<b>113.416.358.769</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)			50,23		257,42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Người lập biểu

Đặng Thanh Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Mai



Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Giám đốc

Nguyễn Ngọc Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN**

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	64.200.400.953	59.363.692.275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		119.780.000	60.390.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		64.080.620.953	59.303.302.275
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.884.836.093	57.313.633.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		195.784.860	1.989.668.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	30.623.019	41.189.806
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	718.750.608	530.928.964
Trong đó: chi phí lãi vay	23		525.980.407	440.127.876
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.025.803.794	1.967.755.463
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.379.941.031	5.496.795.152
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.898.087.554)	(5.964.621.276)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	90.184.550	1.290.284.839
12. Chi phí khác	32	VI.8	88.353.352	308.772.653
13. Lợi nhuận khác	40		1.831.198	981.512.186
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.896.256.356)	(4.983.109.090)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(7.896.256.356)</u>	<u>(4.983.109.090)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(1.598)</u>	<u>(1.009)</u>

Người lập biểu

Đặng Thanh Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Mai

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Giám đốc

Nguyễn Ngọc Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN**

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(7.896.256.356)	(4.983.109.090)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.443.116.793	6.223.667.768
- Các khoản dự phòng	03	166.975.437	(72.790.508)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	6.124.868	1.228.462
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(1.081.996.000)
- Chi phí lãi vay	06	525.980.407	440.127.876
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.754.058.851)	527.128.508
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.061.431.891	(1.159.324.568)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	993.207.049	1.599.196.965
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.713.580.374)	4.320.963.616
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(191.203.677)	(358.500.071)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(562.808.561)	(417.596.429)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.926.335)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	37.655.395	148.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(152.382.817)	(3.770.827.055)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.715.333.720</b>	<b>889.440.966</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(502.288.266)	(70.579.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.081.996.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(502.288.266)</b>	<b>1.011.417.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.420.577.164	10.522.986.012
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.170.572.042)	(5.932.652.429)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(6.757.994.878)</i>	<i>4.590.333.583</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(3.544.949.424)</b>	<b>6.491.191.549</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>9.409.348.557</b>	<b>2.918.154.942</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	65.657	2.066
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 V.1</b>	<b>5.864.464.790</b>	<b>9.409.348.557</b>

Người lập biểu

Đặng Thanh Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Mai



Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Giám đốc

Nguyễn Ngọc Minh



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2013

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất các loại cáp, dây thông tin và vật liệu chuyên ngành Bưu chính viễn thông.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 101 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 114 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	7 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (50 năm).

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 8. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

### 11. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD  
31/12/2012 : 20.828 VND/USD



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 17. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty là các khoản phải thu.

#### *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

### **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

#### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	26.959.496	90.650.725
Tiền gửi ngân hàng	5.837.505.294	9.318.697.832
<b>Cộng</b>	<b><u>5.864.464.790</u></b>	<b><u>9.409.348.557</u></b>

#### **2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bưu điện các tỉnh	4.740.113.820	5.068.192.670
Công ty Điện thoại, điện báo trong ngành	11.088.407.605	17.054.402.978
Các Công ty ngoài ngành	5.950.750.220	6.814.616.010
<b>Cộng</b>	<b><u>21.779.271.645</u></b>	<b><u>28.937.211.658</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nam Thịnh	-	5.850.000
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội	-	24.750.000
Công ty Cổ phần địa ốc cáp điện Thịnh Phát	-	32.835.000
Công ty Cổ phần Mecovina	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>63.435.000</b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền BHXH, BHYT, BHTN của CBCNV	39.441.462	41.270.197
Trả trước tiền thưởng theo các quyết định thưởng của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông	26.500.000	11.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu Điện (TEP)	-	92.732.837
Phải thu tiền BHXH nộp quá	-	2.822.949
<b>Cộng</b>	<b>65.941.462</b>	<b>147.825.983</b>

#### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	2.224.950.110	1.914.811.870
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	145.890.000	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	779.535.190	750.000.000
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	1.299.524.920	1.164.811.870
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.224.950.110</b>	<b>1.914.811.870</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.914.811.870	1.914.811.870
Trích lập dự phòng bổ sung	310.138.240	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.224.950.110</b>	<b>1.914.811.870</b>

#### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.590.125.347	9.468.895.403
Công cụ, dụng cụ	117.909.362	231.549.689
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.056.793.988	11.868.568.744
Thành phẩm	4.890.292.644	6.079.274.748
Hàng hóa	7.068.597	7.108.403
Hàng gửi đi bán	5.153.220	5.153.220
<b>Cộng</b>	<b>26.667.343.158</b>	<b>27.660.550.207</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.238.790.280	1.317.923.896
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	836.175	965.362
Thành phẩm	75.190.257	139.090.257
<b>Cộng</b>	<b><u>1.314.816.712</u></b>	<b><u>1.457.979.515</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.457.979.515	1.530.770.023
Hoàn nhập dự phòng	(143.162.803)	(72.790.508)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.314.816.712</u></b>	<b><u>1.457.979.515</u></b>

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	10.127.272	33.745.504
Chi phí sửa chữa xe	13.324.750	-
Chi phí hiệu chỉnh thiết bị đo	30.250.000	-
Chi phí thẩm định TSCĐ để thanh lý	34.668.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>88.370.022</u></b>	<b><u>33.745.504</u></b>

#### 9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế TNDN nộp thừa.

#### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	195.199.237	158.530.346
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	82.741.619	44.014.197
<b>Cộng</b>	<b><u>277.940.856</u></b>	<b><u>202.544.543</u></b>

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	18.300.203.088	110.707.571.923	3.006.356.871	2.480.152.809	134.494.284.691
Tăng trong năm do mua sắm	-	392.544.630	-	109.743.636	502.288.266
Giảm do hủy tài sản hỏng	-	-	-	(38.662.770)	(38.662.770)
Giảm trong năm theo thông tư 45	(27.569.000)	(42.893.027)	-	(470.726.039)	(541.188.066)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>18.272.634.088</u></b>	<b><u>111.057.223.526</u></b>	<b><u>3.006.356.871</u></b>	<b><u>2.080.507.636</u></b>	<b><u>134.416.722.121</u></b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.667.160.293	43.745.878.335	2.124.034.167	1.733.586.318	58.270.659.113
---------------------------------------	----------------	----------------	---------------	---------------	----------------



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐÌNH**

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	12.772.274.270	72.621.302.912	2.934.261.775	2.355.873.822	90.683.712.779
Khấu hao trong năm	476.334.651	4.719.871.326	25.268.932	53.990.496	5.275.465.405
Giảm do Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(38.662.770)	(38.662.770)
Giảm trong năm theo thông tư 45	(27.569.000)	(42.893.027)	-	(423.947.290)	(494.409.317)
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.221.039.921</b>	<b>77.298.281.211</b>	<b>2.959.530.707</b>	<b>1.947.254.258</b>	<b>95.426.106.097</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	5.527.928.818	38.086.269.011	72.095.096	124.278.987	43.810.571.912
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.051.594.167</b>	<b>33.758.942.315</b>	<b>46.826.164</b>	<b>133.253.378</b>	<b>38.990.616.024</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	6.803.852.379	72.600.000	6.876.452.379
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.803.852.379</b>	<b>72.600.000</b>	<b>6.876.452.379</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	72.600.000	72.600.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	614.721.756	72.600.000	687.321.756
Tăng khấu hao trong năm	167.651.388	-	167.651.388
<b>Số cuối năm</b>	<b>782.373.144</b>	<b>72.600.000</b>	<b>854.973.144</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	6.189.130.623	-	6.189.130.623
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.021.479.235</b>	<b>-</b>	<b>6.021.479.235</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	23.762.729	209.490.567	68.957.170	164.296.126
Chi phí sửa chữa tài sản	283.491.838	255.192.600	221.827.176	316.857.262
Chi phí cấp giấy chứng nhận QSDD	-	35.945.455	8.986.368	26.959.087
Chi phí bảo hiểm	17.500.000	-	17.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>324.754.567</b>	<b>500.628.622</b>	<b>317.270.714</b>	<b>508.112.475</b>

#### 14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	6.749.994.878
- Ngân hàng Công Thương Chương Dương	-	6.749.994.878
Vay ngắn hạn tổ chức khác	400.000.000	400.000.000
Vay ngắn hạn quỹ Công Đoàn Công ty	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>7.149.994.878</b>

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.749.994.878	9.420.577.164	16.170.572.042	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	400.000.000	-	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.149.994.878</b>	<b>9.420.577.164</b>	<b>16.170.572.042</b>	<b>400.000.000</b>

#### 15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả trong nước	3.776.121.911	7.640.058.392
Phải trả nước ngoài	2.610.668.203	802.150.440
<b>Cộng</b>	<b>6.386.790.114</b>	<b>8.442.208.832</b>

#### 16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Điện tử động hoá mở ĐTM	-	50.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ điện tử - tự động hoá	-	188.357.950
Công TNHH MTV 790	-	65.375.970
Bà Nguyễn Thị Yến	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	56.443.200	-
Các đối tượng khác	29.272.270	65.222.140
<b>Cộng</b>	<b>205.715.470</b>	<b>368.956.060</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	870.018.498	1.078.671.675	1.736.979.901	211.710.272
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.721.164.251	1.721.164.251	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	60.467.906	60.467.906	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.926.335	(2.926.335)
Thuế nhà đất	-	12.578.783	12.578.783	-
Tiền thuê đất	-	271.158.500	271.158.500	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	100.000	100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>870.018.498</b>	<b>3.137.161.115</b>	<b>3.798.395.676</b>	<b>208.783.937</b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9). Trong đó:

	<b>Số cuối năm</b>
Thuế phải nộp	211.710.272
Thuế TNDN nộp thừa	(2.926.335)
<b>Cộng</b>	<b>208.783.937</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.896.256.356)	(4.983.109.090)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	614.555.277	172.482.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	614.555.277	172.482.000
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	614.555.277	172.482.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(7.281.701.079)	(4.810.627.090)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	(7.281.701.079)	(4.810.627.090)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯY ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn giữa ca	30.855.000	29.205.000
Chi phí lãi vay	10.733.333	47.561.487
Chi phí hỗ trợ bán hàng	-	95.620.600
Hỗ trợ đi lại	2.552.000	8.910.000
<b>Cộng</b>	<b><u>44.140.333</u></b>	<b><u>181.297.087</u></b>

#### 19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	34.502.304	53.196.586
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	10.000.000
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	1.783.571.823	275.288.289
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	39.812.800	47.812.800
Kinh phí thực hiện đề tài khoa học phải trả	825.935.000	825.935.000
Tiền trợ cấp mất việc làm còn phải trả	303.705.250	416.028.855
Các khoản phải trả khác	14.635.618	3.254.207
<b>Cộng</b>	<b><u>3.017.162.795</u></b>	<b><u>1.631.515.737</u></b>

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	173.436.627	321.836.627
Chi quỹ	(81.000.000)	(148.400.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>92.436.627</u></b>	<b><u>173.436.627</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BÙU ĐIỆN**

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**21. Vốn chủ sở hữu**  
**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	24.000.000.000	5.902.426.198	(888.000.000)	44.653.843.558	3.138.792.891	(28.670.529.846)	98.136.532.801
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(4.983.109.090)	(4.983.109.090)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>5.902.426.198</b>	<b>(888.000.000)</b>	<b>44.653.843.558</b>	<b>3.138.792.891</b>	<b>(33.653.638.936)</b>	<b>93.153.423.711</b>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	24.000.000.000	5.902.426.198	(888.000.000)	44.653.843.558	3.138.792.891	(33.653.638.936)	93.153.423.711
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(7.896.256.356)	(7.896.256.356)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>5.902.426.198</b>	<b>(888.000.000)</b>	<b>44.653.843.558</b>	<b>3.138.792.891</b>	<b>(41.549.895.292)</b>	<b>85.257.167.355</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	24.900.000.000	24.900.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.100.000.000	25.100.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	(888.000.000)	(888.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	5.902.426.198	5.902.426.198
<b>Cộng</b>	<b>79.014.426.198</b>	<b>79.014.426.198</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	60.000	60.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000	60.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.940.000	4.940.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.940.000	4.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	64.200.400.953	59.363.692.275
- Doanh thu bán hàng hóa	2.423.908.800	3.896.548.032
- Doanh thu bán thành phẩm	61.735.492.153	55.425.337.443
- Doanh thu gia công	41.000.000	41.806.800
Các khoản giảm trừ doanh thu:	119.780.000	60.390.000
- Giảm giá hàng bán	108.800.000	60.390.000
- Hàng bán bị trả lại	10.980.000	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>64.080.620.953</u></b>	<b><u>59.303.302.275</u></b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	2.423.908.800	3.896.548.032
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	61.615.712.153	55.364.947.443
- Doanh thu thuần gia công	41.000.000	41.806.800

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2.056.339.690	3.862.986.701
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(i)</sup>	61.932.342.339	53.486.125.585
Giá vốn gia công	39.316.867	37.312.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(143.162.803)	(72.790.508)
<b>Cộng</b>	<b><u>63.884.836.093</u></b>	<b><u>57.313.633.778</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯY ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:		
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	44.930.641.949	46.068.514.095
Chi nhân công trực tiếp	3.656.911.568	3.664.737.506
Chi phí sản xuất chung	9.425.413.781	8.247.788.401
Tổng chi phí sản xuất	58.012.967.298	57.981.040.002
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(2.811.774.756)	6.114.558.122
Tổng giá thành sản xuất	60.824.742.054	51.866.481.880
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(1.146.917.152)	(1.656.955.705)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>61.971.659.206</b>	<b>53.523.437.585</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	30.388.607	41.189.806
Lãi tiền ký quỹ	234.412	-
<b>Cộng</b>	<b>30.623.019</b>	<b>41.189.806</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	525.980.407	440.127.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.124.868	1.228.462
Lãi chậm trả	79.626.225	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.019.108	89.572.626
<b>Cộng</b>	<b>718.750.608</b>	<b>530.928.964</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	539.787.505	421.251.855
Chi phí vật liệu, bao bì	33.554.105	20.686.620
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.711.651	1.067.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	446.402.034	283.974.219
Chi phí bằng tiền khác	1.003.348.499	1.240.775.441
<b>Cộng</b>	<b>2.025.803.794</b>	<b>1.967.755.463</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.871.335.972	2.106.274.259
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	19.701.232	6.309.911
Chi phí đồ dùng văn phòng	120.759.795	107.608.309
Chi phí khấu hao	359.818.957	455.650.135
Thuế, phí và lệ phí	312.678.454	651.419.967
Chi phí dự phòng	310.138.240	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.047.050	547.595.246
Chi phí bằng tiền khác	1.695.461.331	1.621.937.325
<b>Cộng</b>	<b>5.379.941.031</b>	<b>5.496.795.152</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯY ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập bán phế liệu thu hồi	90.122.500	185.216.000
Xử lý công nợ nhỏ lâu ngày	-	11.063.002
Thu tiền từ thanh lý tài sản	-	1.081.996.000
Thu nhập khác	62.050	12.009.837
<b>Cộng</b>	<b><u>90.184.550</u></b>	<b><u>1.290.284.839</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị phế liệu thu hồi để bán	52.357.500	50.137.000
Giá trị ứng trước cho khách hàng khó thu hồi	-	257.526.653
Chi phí doanh nghiệp bỏ trốn	18.224.800	-
Lãi chậm nộp BHXH	11.362.738	-
Xử lý công nợ khó đòi	-	109.000
Tiền phạt vi phạm hành chính	892.132	-
Chi phí khác	5.516.182	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>88.353.352</u></b>	<b><u>308.772.653</u></b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.896.256.356)	(4.983.109.090)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.896.256.356)	(4.983.109.090)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.940.000	4.940.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(1.598)</u></b>	<b><u>(1.009)</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.940.000	4.940.000
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>4.940.000</u></b>	<b><u>4.940.000</u></b>

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.634.835.529	46.203.118.935
Chi phí nhân công	7.391.975.458	6.451.998.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.443.116.793	6.223.667.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.523.200.301	836.451.317
Chi phí khác	4.425.584.042	5.730.353.720
<b>Cộng</b>	<b><u>65.418.712.123</u></b>	<b><u>65.445.590.617</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	470.053.801	380.605.019

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	Công ty mẹ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền thưởng	26.500.000	11.000.000

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

#### 2. Quản lý rủi ro tài chính

*Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯY ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.864.464.790	-	-	-	5.864.464.790
Phải thu khách hàng	19.074.345.025	-	-	2.704.926.620	21.779.271.645
Các khoản phải thu khác	109.241.619	-	-	-	109.241.619
<b>Cộng</b>	<b><u>25.048.051.434</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.704.926.620</u></b>	<b><u>27.752.978.054</u></b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.409.348.557	-	-	-	9.409.348.557
Phải thu khách hàng	24.483.630.718	-	-	4.453.580.940	28.937.211.658
Các khoản phải thu khác	147.747.034	-	-	-	147.747.034
<b>Cộng</b>	<b><u>34.040.726.309</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.453.580.940</u></b>	<b><u>38.494.307.249</u></b>

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	400.000.000	-	-	400.000.000
Phải trả người bán	6.386.790.114	-	-	6.386.790.114
Chi phí phải trả	44.140.333	-	-	44.140.333
Các khoản phải trả khác	895.383.418	-	-	895.383.418
<b>Cộng</b>	<b><u>7.726.313.865</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>7.726.313.865</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ Đ ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	7.149.994.878	-	-	7.149.994.878
Phải trả người bán	8.442.208.832	-	-	8.442.208.832
Chi phí phải trả	152.092.087	-	-	152.092.087
Các khoản phải trả khác	839.189.207	-	-	839.189.207
<b>Cộng</b>	<b>16.583.485.004</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.583.485.004</b>

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	50,23	257,42
Phải trả người bán	(123.810,50)	(38.454,00)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(123.760,27)</b>	<b>(38.196,58)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.864.464.790		9.409.348.557	
Vay và nợ	(400.000.000)		(7.149.994.878)	
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>5.464.464.790</b>		<b>2.259.353.679</b>	

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay và vay có giá trị nhỏ.

#### Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### Tài sản đảm bảo

Giá trị tài sản tài chính thế chấp, cầm cố tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 82.741.619 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 44.014.197).

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.864.464.790	-	9.409.348.557	-	5.864.464.790	9.409.348.557
Phải thu khách hàng	21.779.271.645	(2.224.950.110)	28.937.211.658	(1.914.811.870)	19.554.321.535	27.022.399.788
Các khoản phải thu khác	109.241.619	-	147.747.034	-	109.241.619	147.747.034
<b>Cộng</b>	<b>27.752.978.054</b>	<b>(2.224.950.110)</b>	<b>38.494.307.249</b>	<b>(1.914.811.870)</b>	<b>25.528.027.944</b>	<b>36.579.495.379</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	400.000.000		7.149.994.878		400.000.000	7.149.994.878
Phải trả người bán	6.386.790.114		8.442.208.832		6.386.790.114	8.442.208.832
Chi phí phải trả	44.140.333		152.092.087		44.140.333	152.092.087
Các khoản phải trả khác	895.383.418		839.189.207		895.383.418	839.189.207
<b>Cộng</b>	<b>7.726.313.865</b>		<b>16.583.485.004</b>		<b>7.726.313.865</b>	<b>16.583.485.004</b>



